ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN : SỞ Y TẾ HÀ GIANG
ĐƠN VỊ TRẢ : BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

BẢNG CHI TRẢ PHỤ CẤP, THÁNG 8 NĂM 2017
QUA HỆ THỐNG THANH TOÁN THẺ ATM CỦA BIDV - HÀ GIANG

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
1	Hoàng Tiến Việt	707.250		-		-	45.000		625.000	50.000				1.427.250	Phòng KHTH
2	Vũ Hùng Vương	730.250		-		-	30.000			100.000				860.250	Phòng KHTH
3	Nguyễn Đức Dũng	431.250		-		-	-			50.000				481.250	Phòng KHTH
4	Nguyễn Quốc Dũng	730.250		-		-	30.000			50.000				810.250	Phòng KHTH
5	Đán Thị Hoa	-		-		-	-					67.755.743		67.755.743	Phòng KHTH
6	Kim Thị Ngọc Lan	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng KHTH
7	Nguyễn Thị Viện	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng KHTH
8	Nguyễn Thị Nhính	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng KHTH
9	Phạm Thị Vân	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng KHTH
10	Dương Thị Huyền	-		-		-	-			100.000				100.000	Phòng KHTH
11	Nguyễn Thị Tâm	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng KHTH
13	Hoàng Thị Hoa	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng KHTH
13	Đặng Đức Cường	86.250		-		-	-			50.000				136.250	Phòng Điều Dưỡng
14	Nguyễn Thị Hà A	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng Điều Dưỡng
15	Bùi Thị Thu	172.500		300.000		91.584	-			100.000			600.000	1.264.084	Phòng TCKT
16	Nguyễn Thị Doãn	-		150.000		-	-							150.000	Phòng TCKT
17	Lê Thị Minh Thúy	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng TCKT
18	Đào Thị Thanh	-		-		91.950	-			50.000			100.000	241.950	Phòng TCKT
19	Phạm Thị Thu Hằng	-		-		-	-			100.000				100.000	Phòng TCKT
20	Nguyễn Thị Thủy	385.250		450.000		220.650	30.000			50.000			300.000	1.435.900	Phòng TCKT
21	Ng. Thị Nguyệt Nga	-		-		-	-			50.000			600.000	650.000	Phòng TCKT
22	Đỗ Hoàng Anh	235.750		150.000		75.120	15.000						100.000	575.870	Phòng TCKT

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
23	Hoàng Thị Sưa	-		-		15.792	-			100.000				115.792	Phòng TCKT
24	Vũ Thị Huệ	431.250		750.000		74.724	-			50.000			600.000	1.905.974	Phòng TCKT
25	Nguyễn Thị Thu Linh	-		-		-	-			100.000				100.000	Phòng TCKT
26	Nguyễn Văn Trung	345.000		300.000		36.426	-						600.000	1.281.426	Phòng TCKT
27	Vũ Thị Bảy	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng TCKT
28	Nguyễn Thị Huế	644.000		600.000		36.426	30.000						300.000	1.610.426	Phòng TCKT
29	Trần Thị Uyên	235.750		150.000		-	15.000						200.000	600.750	Phòng TCKT
30	Nguyễn Thị Thu Hà	-		-		17.892	-			50.000			200.000	267.892	Phòng TCKT
31	Đặng Minh Tuấn	408.250		300.000		-	15.000							723.250	Phòng TCKT
32	Nguyễn Mạnh Hùng	322.000		300.000		-	15.000							637.000	Phòng TCKT
33	Nguyễn Anh Tuấn	86.250		-		-	-			100.000	2.250.000			2.436.250	Phòng HCQT
34	Phạm T. Kim Quy	-		-		-	-			50.000			600.000	650.000	Phòng HCQT
35	Đỗ Tất Chi	966.000		-		-	45.000			50.000			4.450.000	5.511.000	Phòng HCQT
36	Ng Đức Thắng	1.546.750		-		-	60.000						2.600.000	4.206.750	Phòng HCQT
37	Ngô Phạm Hiện	667.000		1.050.000		-	15.000			50.000			5.650.000	7.432.000	Phòng HCQT
38	Nguyễn Văn Nghĩa	707.250		450.000		1.069.750	45.000			50.000			600.000	2.922.000	Phòng HCQT
39	Vũ Thị Xuân	580.750		750.000		-	15.000						600.000	1.945.750	Phòng HCQT
40	Nguyễn Hải Đăng	557.750		600.000		432.370	30.000			100.000				1.720.120	Phòng HCQT
41	Lộc Thị Quyên	494.500		-		-	15.000			100.000				609.500	Phòng HCQT
42	Nguyễn Thị Thắm	172.500		300.000		-	-			50.000				522.500	Phòng HCQT
43	Nguyễn Quốc Khánh	580.750		600.000		630.486	15.000			50.000				1.876.236	Phòng HCQT
44	Đinh Viết Cường	172.500		300.000		1.478.303	-							1.950.803	Phòng CNTT&TT
45	Trần Mạnh Hà	408.250		600.000		1.110.392	15.000			100.000				2.233.642	Phòng CNTT&TT
46	Lộc Thị Bích Duyệt	235.750		-		-	15.000			100.000				350.750	Phòng CNTT&TT
47	Đỗ Việt Hà	517.500		-		884.364	-			100.000				1.501.864	Phòng CNTT&TT
48	Phùng Phương Nam	172.500		-		378.378	-							550.878	Phòng CNTT&TT
49	Nguyễn Đức Tuyên	644.000		-		511.162	30.000			50.000				1.235.162	Phòng CNTT&TT
50	Chu Đức Cảnh	322.000		-		403.512	15.000			100.000				840.512	Phòng CNTT&TT

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
51	Nguyễn Thế Lực	707.250		-		861.436	45.000			100.000				1.713.686	Phòng CNTT&TT
52	Nguyễn Thị Lan	-		-		25.010	-						600.000	625.010	Phòng Tổ Chức Cán Bộ
53	Nguyễn Ánh Ngọc	-		-		27.808	-			100.000			600.000	727.808	Phòng Tổ Chức Cán Bộ
54	Vàn Thị Kim Dung	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng Tổ Chức Cán Bộ
55	Vũ Thị Hạ	-		-		113.184	-			100.000				213.184	Phòng Tổ Chức Cán Bộ
56	Nguyễn Thị Kiều Trang	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng Tổ Chức Cán Bộ
57	Bùi Thị Cẩm Vân	-		-		-	-			50.000				50.000	Phòng Tổ Chức Cán Bộ
58	Đỗ Khắc Chiến	-		-		-	-			100.000				100.000	Phòng Vật Tư
59	Kiều Hoa Thơm	-		-		37.500	-			50.000				87.500	Phòng Vật Tư
60	Đặng Xuân Quân	-		-		19.738	-			100.000				119.738	Phòng Vật Tư
61	Đồng Thị Quyên	-		-		-	-			100.000				100.000	Phòng Vật Tư
62	Quách Thị Huyền	-		-		-	-			100.000				100.000	Phòng Vật Tư
63	Thái Thanh Xuân	-		-	200.000	75.852	-			50.000				325.852	Phòng Vật Tư
64	Đặng Thị Thu	-		-		-	-			50.000				50.000	Khoa Dinh Dưỡng
65	Khuất Thị Lệ Quyên	-		-		-	-			100.000				100.000	Khoa Dinh Dưỡng
66	Bùi Bích Ngọc	-		-		-	-			50.000			600.000	650.000	Khoa Dinh Dưỡng
98	Phan Thị Nga	-		-		-	-			100.000				100.000	Khoa Dinh Dưỡng
68	Ng. Thị Thu Đông	172.500		-		-	-			50.000				222.500	Khoa Yêu Cầu
69	Lê Thị Toàn	612.375		-		-	15.000	75.000		50.000				752.375	Khoa Yêu Cầu
70	Nguyễn Thị Tuyến	603.750	580.750	-		-	-			50.000				1.234.500	Khoa Yêu Cầu
71	Nguyễn Thị Mơ	345.000	580.750	-		-	-			50.000				975.750	Khoa Yêu Cầu
72	Lê Thị Thu Ngân	557.750	557.750	-		-	30.000			50.000				1.195.500	Khoa Yêu Cầu
73	Trần Sinh Cường	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Yêu Cầu
74	Nguyễn Thị Giang	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Yêu Cầu
75	Nguyễn Thị Chinh	621.000	494.500	-		-	45.000			50.000				1.210.500	Khoa Yêu Cầu
76	Phạm T. Phương Lan	322.000	86.250	-		-	15.000			100.000				523.250	Khoa Yêu Cầu
77	Nguyễn Thị Phan	-	-	-		-	-			100.000	1.815.000			1.915.000	Khoa Yêu Cầu
78	Trần Phương Kính	730.250	644.000	-		-	30.000			50.000				1.454.250	Khoa Yêu Cầu

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
79	Cam Thị Sử	-	-	-		-	-						3.450.000	3.450.000	Khoa Yêu Cầu
80	Nguyễn Thị Dương Liễu	-	-	-		400.000	-							400.000	Khoa Yêu Cầu
81	Đỗ Văn Tuyến	1.673.250	-	-		-	60.000	112.500	12.000.000	100.000				13.945.750	Khoa Gây Mê Hồi Sức
82	Nguyễn Xuân Thanh	388.125	-	-		-	-	15.000	8.390.000	50.000				8.843.125	Khoa Gây Mê Hồi Sức
83	Phạm Hồng Thanh	1.388.625	-	-		-	15.000	75.000	16.790.000					18.268.625	Khoa Gây Mê Hồi Sức
84	Nguyễn Thị Vân Anh	224.250	-	-		-	15.000		2.470.000	100.000				2.809.250	Khoa Gây Mê Hồi Sức
85	Đào Hùng Hải	966.000	-	-		-	30.000		6.560.000					7.556.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
86	Lâm Thị Phương	1.095.375	-	-		-	30.000		7.580.000					8.705.375	Khoa Gây Mê Hồi Sức
87	Nguyễn Thị Huệ	966.000	-	-		-	30.000	81.000	8.420.000					9.497.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
88	Nguyễn Thị Bích Loan	966.000	-	-		-	30.000	27.000	6.720.000	50.000				7.793.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
89	Lã Thị Vân	776.250	-	-		-	-	27.000	5.770.000	100.000				6.673.250	Khoa Gây Mê Hồi Sức
90	Nguyễn Thị Thu Hà	517.500	-	-		-	-		3.930.000	100.000				4.547.500	Khoa Gây Mê Hồi Sức
91	Nguyễn Tuyết Nhung	-	-	-		-	-		620.000	100.000				720.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
92	Phùng Thu Điệp	517.500	-	-		169.515	-		6.680.000	50.000				7.417.015	Khoa Gây Mê Hồi Sức
93	Hoàng Thị Thuý	836.625	-	-		-	30.000	81.000	5.780.000	100.000				6.827.625	Khoa Gây Mê Hồi Sức
94	Đinh Thị Nguyệt	388.125	-	-		-	-		3.310.000	50.000				3.748.125	Khoa Gây Mê Hồi Sức
95	Hoàng Thị Nhung	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
96	Trần Thanh Tuấn	1.155.750	-	-		32.820	60.000		5.860.000	50.000				7.158.570	Khoa Gây Mê Hồi Sức
97	Hoàng Thị Thu Trà	646.875	-	-		58.941	-	27.000	4.850.000					5.582.816	Khoa Gây Mê Hồi Sức
98	Hoàng Thị Đào	-	-	-		550.000	-							550.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
99	Phùng Thị Cúc	483.000	-	-		6.120	15.000	27.000	2.940.000	50.000				3.521.120	Khoa Gây Mê Hồi Sức
100	Trần Thị Lụa	258.750	-	-		-	-			50.000				308.750	Khoa Gây Mê Hồi Sức
101	Phan Thu Trang	-	-	-		-	-			100.000	21.268.000			21.368.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
102	Đàm Mỹ Hạnh	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
103	Nông Thị Tuyết Mai	1.319.625	-	-		-	45.000		12.320.000	50.000				13.734.625	Khoa Gây Mê Hồi Sức
104	Đinh Trọng Tiến	-	-	-		-	-			50.000	380.300			430.300	Khoa Gây Mê Hồi Sức
105	Lê Đức Thắng	235.750	-	-		-	15.000						2.350.000	2.600.750	Khoa Dược
106	Nguyễn Thị Nhàn	258.750	-	-		56.250	-			50.000			600.000	965.000	Khoa Dược

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
107	Hoàng Tuyết Lan	-	-	-		56.250	-			50.000				106.250	Khoa Dược
108	Vũ Thị Kim Vân	86.250	-	-		-	-							86.250	Khoa Dược
109	Nguyễn Thị Hảo	-	-	-		-	-			100.000	24.908.000			25.008.000	Khoa Dược
110	Hoàng Thị Lưu	-	-	-		56.250	-			50.000				106.250	Khoa Dược
111	Đinh Thị Hoa	-	-	-		106.250	-			100.000				206.250	Khoa Dược
112	Ng. Thị ánh Tuyết	172.500	-	-		-	-			100.000				272.500	Khoa Dược
113	Đỗ Thu Hà	258.750	-	-		106.250	-			50.000				415.000	Khoa Dược
114	Lê Thu Trang	235.750	-	-		-	15.000			50.000				300.750	Khoa Dược
115	Viên Thế Du	149.500	-	-		-	15.000			100.000				264.500	Khoa Dược
116	Ng. Tuyết Nhung	235.750	-	-		56.250	15.000			100.000				407.000	Khoa Dược
117	Phùng Thị Dung	258.750	-	-		56.250	-			50.000				365.000	Khoa Dược
118	Tô Huyền Trang	322.000	-	-		56.250	15.000			50.000				443.250	Khoa Dược
119	Nguyễn Thị Liên	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Dược
120	Nguyễn Thi Nhung	235.750	-	-		-	15.000							250.750	Khoa Dược
121	Hoàng Minh Hải	172.500	-	-	400.000	56.250	-			100.000				728.750	Khoa Dược
122	Chu Quốc Huy	235.750	-	-		-	15.000						2.350.000	2.600.750	Khoa Dược
123	Lương Huỳnh Đức	322.000	-	-		112.500	15.000							449.500	Khoa Dược
124	Nguyễn Thị Hường	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa A10
125	Ng. Thị Thu Huyền	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa A10
126	Nguyễn Thị Tuyết	1.052.250	-	-		-	45.000			100.000				1.197.250	Khoa A10
127	Nguyễn Thị Hiền	966.000	-	-		-	45.000							1.011.000	Khoa A10
128	Lộc Thị Uyên	86.250	-	-		-	-			100.000				186.250	Khoa A10
129	Lê Thị Thanh	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa A10
130	Hoàng Thị Thu Hiền	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa A10
131	Cấn Thị Hương Giang	1.075.250	-	-		-	30.000							1.105.250	Khoa A10
132	Phan Thị Hồng	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa A10
133	Trần Hữu Long	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Khám Bệnh
134	Trần Thuý Lan	129.375	-	-		-	-			50.000				179.375	Khoa Khám Bệnh

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
135	Nguyễn Thị Dinh	258.750	-	-		-	-			100.000				358.750	Khoa Khám Bệnh
136	Hoàng Thị Kim Thoa	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Khám Bệnh
137	Ma Thị Mễ	483.000	-	-		-	15.000			100.000				598.000	Khoa Khám Bệnh
138	Phan Thị Như	483.000	-	-		-	15.000			100.000				598.000	Khoa Khám Bệnh
139	Nguyễn Thị Hương	1.155.750	-	-		-	60.000			100.000				1.315.750	Khoa Khám Bệnh
140	Hoàng Thu Trang	646.875	-	-		-	-			100.000				746.875	Khoa Khám Bệnh
141	Nguyễn Thị Hiếu	258.750	-	-		-	-			100.000				358.750	Khoa Khám Bệnh
142	Dương Thị Hoa	388.125	-	-		-	-			100.000				488.125	Khoa Khám Bệnh
143	Đào Thị Thu Trang	-	-	-		-	-			100.000	1.950.000			2.050.000	Khoa Khám Bệnh
144	Triệu Kim Phượng	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Khám Bệnh
145	Bùi Thị Thảo	897.000	-	-		-	60.000			100.000				1.057.000	Khoa Khám Bệnh
146	Lã Ngọc Trang	483.000	-	-		-	15.000			50.000				548.000	Khoa Khám Bệnh
147	Lô Thị Hồng Nhung	802.125	-	-		-	45.000			50.000				897.125	Khoa Khám Bệnh
148	Mai Ngọc Nhị	-	-	-		-	-			100.000	1.950.000			2.050.000	Khoa Khám Bệnh
149	Nguyễn Thuý Linh	672.750	-	-		-	45.000			50.000				767.750	Khoa Khám Bệnh
150	Phạm Thị Hạnh	612.375	-	-		-	15.000			50.000				677.375	Khoa Khám Bệnh
151	Chu Bích Diệp	1.000.500	-	-		-	15.000			100.000				1.115.500	Khoa Khám Bệnh
152	Phạm Thị Hồng	931.500	-	-		-	45.000			50.000				1.026.500	Khoa Khám Bệnh
153	Phạm Thị Dương	612.375	-	-		-	15.000			50.000				677.375	Khoa Khám Bệnh
154	Ng. Tuyết Phong	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Khám Bệnh
252	Nguyễn Quế Hương	741.750	-	-		-	15.000							756.750	Khoa Khám Bệnh
411	Đỗ Thị Oanh	776.250	-	-		-	-			50.000				826.250	Khoa Khám Bệnh
157	Hoàng Thị Đa	483.000	-	-	250.000	161.106	15.000	1.453.500	1.295.000	100.000				3.757.606	Khoa Mắt
158	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	-	-	-		-	-	1.858.500	1.820.000	100.000				3.778.500	Khoa Mắt
159	Vũ Hải Yến	730.250	-	-		-	30.000	6.582.000		100.000				7.442.250	Khoa Mắt
160	Lương Thị Thuý	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Mắt
161	Phan Thị Dung	776.250	-	-		-	-	1.558.500		50.000				2.384.750	Khoa Mắt
162	Tạ Thị Nga	-	-	-		-	-	360.000		100.000				460.000	Khoa Mắt

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
163	Nguyễn Thị Phương	943.000	-	-		-	60.000	13.566.000	90.000	50.000				14.709.000	Khoa Mắt
164	Cấn Ngọc Thúy	-	-	-		-	-			50.000	1.950.000			2.000.000	Khoa Mắt
165	Tạ Minh Hoàn	730.250	-	-		88.411	30.000	1.095.000	2.095.000	50.000				4.088.661	Khoa Mắt
166	Vũ Thị Quỳnh Anh	483.000	-	-		-	15.000		90.000					588.000	Khoa Mắt
167	Lò Thị Tâm	-	-	-		-	-	19.500	5.155.000	50.000				5.224.500	Khoa RHM
168	Ng. Thị Thuý Tình	408.250	-	-		-	15.000		360.000	50.000				833.250	Khoa RHM
169	Tào Hồng Hải	-	-	-		-	-		1.330.000	50.000				1.380.000	Khoa RHM
170	Đinh Thị Kim Phượng	86.250	-	-		-	-	337.500						423.750	Khoa RHM
171	Lệnh Thị Minh Kim	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa RHM
172	Đỗ Tân Điệp	580.750	-	-		-	15.000	1.048.500	225.000	50.000				1.919.250	Khoa RHM
173	Lương Văn Hiệp	557.750	-	-		-	30.000		605.000	50.000				1.242.750	Khoa RHM
174	Phạm Thị Hồng Thuý	431.250	-	-		-	-			100.000				531.250	Khoa RHM
175	Hà Lan Anh	353.625	-	-		-	15.000	582.000	1.295.000	50.000				2.295.625	Khoa RHM
176	Nguyễn Thị Lan	557.750	-	-		-	30.000			50.000				637.750	Khoa RHM
177	Trần Cao Quyền	802.125	-	-	250.000	-	45.000	1.077.000	2.745.000	50.000				4.969.125	Khoa RHM
178	Hoàng Thị Giang	-	-	-		-	-			50.000	1.815.000			1.865.000	Khoa RHM
179	Lâm Quang Viện	741.750	-	-		-	15.000	3.532.500						4.289.250	Khoa RHM
180	Nguyễn Thị Niềm	557.750	-	-		-	30.000			50.000				637.750	Khoa RHM
181	Hoàng Thị Hạ	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa RHM
182	Ng. Thị Thanh Tâm	836.625	-	400.000	250.000	287.838	30.000	14.883.000	3.055.000	100.000				19.842.463	Khoa TMH
183	Hoàng Thị Quê	448.500	753.250	-		-	45.000							1.246.750	Khoa TMH
184	Đỗ Thị Yến	322.000	571.500	-		-	15.000	480.000						1.388.500	Khoa TMH
185	Hoàng Thị Sinh	517.500	249.500	-		-	-	1.275.000						2.042.000	Khoa TMH
186	Nguyễn Quyết Tiến	667.000	172.500	-		-	15.000	345.000		50.000				1.249.500	Khoa TMH
187	Ng. Thị Hương Lan	258.750	345.000	-		-	-			50.000				653.750	Khoa TMH
188	Nguyễn Thi Tươi	730.250	100.000	-		-	30.000			100.000				960.250	Khoa TMH
189	Nguyễn Thị Hà Giang	235.750	657.750	-		-	15.000			50.000				958.500	Khoa TMH
190	Hà Anh Trung	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa TMH

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
191	Lê Thị Phòng	-	-	-		-	-	45.000		100.000	1.815.000			1.960.000	Khoa TMH
192	Hoàng Hồng Anh	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa TMH
193	Lưu Văn Kính	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa TMH
194	Nguyễn Thị Quỳnh	-	-	-		-	-	346.500	870.000	50.000				1.266.500	Khoa TMH
195	Vương Thùy Vân	836.625	-	800.000		261.345	30.000	9.517.500	1.085.000	50.000				12.580.470	Khoa TMH
196	Lâm Ngọc Huyền	448.500	-	400.000		-	30.000	6.238.500		50.000				7.167.000	Khoa TMH
197	Ngô Thị Thanh Huyền	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa TMH
198	Sầm Thị Tươi	-	-	-		400.000	-			100.000				500.000	Khoa TMH
199	Xuân Văn Khảnh	557.750	-	800.000		-	30.000	3.621.000						5.008.750	Khoa CĐHA
200	Nguyễn Đức Thắng	580.750	-	-		-	15.000			50.000				645.750	Khoa CĐHA
201	Đỗ Hồng Phong	471.500	-	-		-	30.000			100.000				601.500	Khoa CĐHA
202	Nguyễn Xuân Nghĩa	345.000	-	600.000		-	-	622.500		100.000				1.667.500	Khoa CĐHA
203	Mai Tiến Dũng	580.750	-	-		-	15.000			100.000				695.750	Khoa CĐHA
204	Nguyễn Văn Khanh	644.000	-	-		-	30.000			100.000				774.000	Khoa CĐHA
205	Xuân Thế Dư	557.750	-	-		-	30.000			50.000				637.750	Khoa CĐHA
206	Bế Văn Hợp	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa CĐHA
207	Nguyễn Thị Giang	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa CĐHA
208	Phan Khương Duy	902.750	-	-		-	30.000			100.000				1.032.750	Khoa CĐHA
209	Đỗ Văn Cảnh	1.397.250	-	1.800.000		-	45.000			100.000				3.342.250	Khoa CĐHA
210	Đỗ Thị Yến	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa CĐHA
211	Đinh Xuân Hạnh	644.000	-	-		-	30.000			50.000				724.000	Khoa CĐHA
212	Triệu Thị Thu Hoàn	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa CĐHA
213	Nguyễn Thế Hiệp	322.000	-	-		-	15.000							337.000	Khoa CĐHA
214	Tào Quốc Huy	172.500	-	-		-	-			50.000				222.500	Khoa CĐHA
215	Lục Văn Nguyên	793.500	-	-		-	45.000			50.000				888.500	Khoa CĐHA
216	Lệnh Văn Hậu	172.500	-	-		-	-							172.500	Khoa CĐHA
217	Đỗ Trung Dũng	258.750	-	-		-	-			50.000				308.750	Khoa CĐHA
218	Trần Minh Chương	879.750	-	1.100.000		-	45.000			50.000				2.074.750	Khoa CĐHA

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
219	Lý Ngọc Hoàng	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa CĐHA
220	Chu Đức Nguyên	258.750	-	-		-	-							258.750	Khoa CĐHA
221	Phạm Thị Toan	-	-	-		-	-	1.260.000		50.000			1.450.000	2.760.000	Khoa TDCN
222	Hoàng Thị Thực	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa TDCN
223	Phùng Thị Phương	-	-	-		-	-			100.000	1.950.000			2.050.000	Khoa TDCN
224	Ng Thị Phương Hà	-	-	-		-	-	5.764.500		50.000				5.814.500	Khoa TDCN
225	Nguyễn Thị Mai Hoa	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa TDCN
226	Nguyễn Thị Kim Huế	-	-	-		-	-	5.052.000		50.000				5.102.000	Khoa TDCN
320	Phạm Tuấn Anh	385.250	-	-		-	45.000	1.735.500					1.450.000	3.615.750	Khoa TDCN
228	Lê Việt Quang	235.750	-	-		-	15.000			100.000				350.750	Khoa Xét Nghiệm
229	Đặng Thị Nga	385.250	-	-		-	30.000							415.250	Khoa Xét Nghiệm
230	Vũ Đức Toàn	494.500	-	-		-	15.000			50.000				559.500	Khoa Xét Nghiệm
231	Nguyễn Hà Thu	258.750	-	-		-	-			100.000				358.750	Khoa Xét Nghiệm
232	Tô Thị Hương	408.250	-	-		-	15.000			50.000				473.250	Khoa Xét Nghiệm
233	Nguyễn Thị Kim Nga	534.750	-	-		-	45.000			50.000				629.750	Khoa Xét Nghiệm
234	Nguyễn Thu Thủy	258.750	-	-		-	-			50.000				308.750	Khoa Xét Nghiệm
235	Bùi Minh Tú	603.750	-	-		-	-							603.750	Khoa Xét Nghiệm
236	Nguyễn Thị Hoài Linh	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Vi Sinh
237	Bùi Thị Hải Bình	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Vi Sinh
238	Lý Hoàng Việt	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Vi Sinh
239	Hoàng Thị Thể	-	-	-		1.200.000	-							1.200.000	Khoa Vi Sinh
240	Phạm Thùy Linh	-	-	-		1.750.000	-							1.750.000	Khoa Vi Sinh
241	Nguyễn Ngọc Lưu	856.750	-	-		-	60.000			50.000				966.750	Khoa HHTM
242	Bùi Thị Hằng	879.750	-	-		-	45.000							924.750	Khoa HHTM
243	Hà Thị Hồng Nhung	-	-	-		-	-			150.000	3.900.000			4.050.000	Khoa HHTM
244	Đỗ Thiên Điệp	408.250	-	-		-	15.000	37.500		100.000				560.750	Khoa HHTM
245	Lương Thị Thảo Khuyên	644.000	-	-		-	30.000	37.500		50.000				761.500	Khoa HHTM
246	Ng.Thị Huyền Trang A	-	-	-		-	-	936.000		50.000				986.000	Khoa HHTM

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
247	Hứa Thúy Nga	966.000	-	-		-	45.000	432.000						1.443.000	Khoa HHTM
248	Mai Thu Giang	793.500	-	-		-	45.000			50.000				888.500	Khoa HHTM
249	Nguyễn Thị Thu Hiền	816.500	-	-		-	30.000							846.500	Khoa HHTM
250	Trịnh Thị Cảnh	690.000	-	-		-	-			100.000				790.000	Khoa HHTM
251	Đào Thị Minh Huệ	-	-	-		-	-			100.000	2.730.000			2.830.000	Khoa HHTM
252	Nguyễn Kim Dung	753.250	-	-		-	15.000			50.000				818.250	Khoa HHTM
253	Ng.Thị Huyền Trang B	322.000	-	-		-	15.000	3.880.500		50.000			1.450.000	5.717.500	Khoa HHTM
254	Đinh Thị Hà	-	-	-		-	-	5.226.000		50.000				5.276.000	Khoa Giải Phẫu Bệnh
255	Ma Thị Nhé	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Giải Phẫu Bệnh
256	Nguyễn Thị Thắm	-	-	-		-	-			150.000				150.000	Khoa Giải Phẫu Bệnh
257	Đỗ Thị Thuỷ	989.000	-	1.000.000	250.000	2.544.886	30.000	348.000	7.680.000	100.000				12.941.886	Khoa Sản
258	Nông Thị Bích Ngọc	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Sản
259	Trần Thị Hồng Điệp	322.000	-	-		-	15.000	97.500						434.500	Khoa Sản
260	Sin Thị Huyền	1.052.250	-	1.200.000		387.237	45.000	366.000	3.410.000	100.000				6.560.487	Khoa Sản
261	Lâm Thị Kim Ngân	235.750	-	-		-	15.000	30.000		50.000				330.750	Khoa Sản
262	Nguyễn Thị Xuyến	86.250	-	-		-	-	19.500		100.000				205.750	Khoa Sản
263	Nguyễn Thị Thập	902.750	-	-		-	30.000	586.500	360.000	100.000				1.979.250	Khoa Sản
264	Vi Thị Vân	-	-	-		400.000	-			100.000				500.000	Khoa Sản
265	Nguyễn Thị Hạnh	322.000	200.000	-		-	15.000	195.000	280.000	100.000				1.112.000	Khoa Sản
266	Nguyễn Thị Nhung	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Sản
267	Ng.Thị Huyền Lê	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Sản
268	Đán Thị Hà	603.750	-	-		-	-	328.500	230.000	100.000				1.262.250	Khoa Sản
269	Đỗ Thị Bích Việt	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Sản
270	Hoàng Thị Giang	471.500	-	-		-	30.000	78.000		100.000				679.500	Khoa Sản
271	Nguyễn Thị Nhi	322.000	-	-		-	15.000	165.000	240.000	50.000				792.000	Khoa Sản
272	Nguyễn Thị Liên	644.000	300.000	-		-	30.000	421.500		50.000				1.445.500	Khoa Sản
273	Đặng Thị Ngân	707.250	-	-		-	45.000	78.000	1.470.000	50.000				2.350.250	Khoa Sản
274	Bùi Thị Mạnh Ngàn	-	300.000	-		-	-			50.000				350.000	Khoa Sản

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
275	Hà Thị Thanh Thuỷ	730.250	-	-		-	30.000	307.500	90.000	100.000				1.257.750	Khoa Sản
276	Hoàng Thị Nhớ	431.250	300.000	-		-	-	294.000	50.000	100.000				1.175.250	Khoa Sản
277	Hà Thị Kim Diễn	1.138.500	-	1.000.000		165.951	45.000	94.500	2.050.000					4.493.951	Khoa Sản
278	Phùng Thị Duyên	580.750	300.000	-		-	15.000	222.000	50.000	100.000				1.267.750	Khoa Sản
279	Ng. Thị Kim Liên	-	-	-		-	-	5.349.000						5.349.000	Khoa Nhi
280	Ng. Thị Minh Trâm	353.625	-	-		-	15.000	337.500		50.000				756.125	Khoa Nhi
281	Nguyễn Thị Thu Hà	612.375	-	-		-	15.000	750.000		100.000				1.477.375	Khoa Nhi
282	Lê Thị Kim Thoa	517.500	-	-		-	-			100.000			444.000	1.061.500	Khoa Nhi
283	Nguyễn Thị Tuyết	-	-	-		-	-	15.000		50.000				65.000	Khoa Nhi
284	Nguyễn Thị Ngọc Anh	1.224.750	200.000	-		-	30.000	45.000		100.000				1.599.750	Khoa Nhi
285	Phan Thị Xuân	1.190.250	200.000	-		-	45.000	90.000		50.000			350.000	1.925.250	Khoa Nhi
286	Ngô Vinh Quang	741.750	200.000	-		-	15.000	45.000		50.000			850.000	1.901.750	Khoa Nhi
287	Ngô Thị Tuyết	1.095.375	200.000	-		-	30.000	225.000		100.000				1.650.375	Khoa Nhi
288	Dương Thị Hiền	258.750	-	-		-	-	150.000		100.000				508.750	Khoa Nhi
289	Đỗ Thị Lan Hương	1.190.250	-	-		-	45.000	135.000		50.000				1.420.250	Khoa Nhi
290	Lý Thị Thu Trang	129.375	500.000	-		-	-			100.000				729.375	Khoa Nhi
291	Viên Thị Tuyền	707.250	-	-		-	30.000	60.000		50.000				847.250	Khoa Nhi
292	Lương Cao Đạt	612.375	-	600.000		-	15.000	346.500		50.000				1.623.875	Khoa Nhi
293	Hoàng Thị Hồng Hạnh	741.750	-	-		-	15.000	1.348.500		50.000				2.155.250	Khoa Nhi
294	Nguyễn Thị Nguyên	-	-	-		-	-			100.000	1.950.000			2.050.000	Khoa Nhi
295	Vũ Anh Tuyến	129.375	-	-		-	-			50.000			600.000	779.375	Khoa Nhi
296	Hoàng Thị Huế	258.750	400.000	-		-	-	45.000		50.000				753.750	Khoa Nhi
297	Mương Tiến Đức	1.000.500	100.000	-		-	15.000	90.000		50.000				1.255.500	Khoa Nhi
298	Nguyễn Thị Hợp	1.319.625	200.000	-		-	45.000	270.000		50.000				1.884.625	Khoa Nhi
299	Ng. Thị Hồng Nhân	966.000	-	-		-	30.000	712.500		50.000				1.758.500	Khoa Nhi
300	Ma Tường Huy	871.125	-	-		-	15.000	328.500						1.214.625	Khoa Nhi
301	Lương Thị Phúc	741.750	300.000	-		-	15.000	75.000		50.000				1.181.750	Khoa Nhi
302	Trần Thu Hà	1.000.500	100.000	-		-	15.000	60.000		100.000				1.275.500	Khoa Nhi

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
303	Chu Hồng Vũ	388.125	-	-		-	-	45.000		100.000				533.125	Khoa Nhi
304	Vũ Thị Minh Nga	517.500	100.000	-		-	-	15.000						632.500	Khoa Nhi
305	Nguyễn Thị Dư	931.500	-	-		-	45.000			50.000				1.026.500	Khoa Nhi
306	Nông Thị Bích	-	-	-		-	-			50.000	1.950.000			2.000.000	Khoa Nhi
307	Vương Thị Chanh	-	-	-		400.000	-			50.000				450.000	Khoa Nhi
308	Phan Thị Hồng Vân	1.319.625	100.000	-		-	30.000	195.000		50.000				1.694.625	Khoa Nhi
349	Phạm Văn Hòa	-	-	-		-	-						600.000	600.000	Khoa Nhi
310	Nguyễn Việt Thắng	534.750	-	600.000		-	45.000			50.000				1.229.750	Khoa Nội Tổng Hợp
311	Mai Bảo Trung	644.000	-	1.000.000		-	30.000			50.000				1.724.000	Khoa Nội Tổng Hợp
312	Lưu Thị Việt	943.000	-	300.000		-	30.000			50.000				1.323.000	Khoa Nội Tổng Hợp
313	Nguyễn Hồng Minh	580.750	-	-		-	15.000			50.000				645.750	Khoa Nội Tổng Hợp
314	Nguyễn Thị Bích Ngọc	258.750	-	-		-	-			50.000				308.750	Khoa Nội Tổng Hợp
315	Nguyễn Thị Vân	471.500	100.000	-		-	30.000			50.000				651.500	Khoa Nội Tổng Hợp
316	Nguyễn Thị Liên	299.000	-	-		-	30.000			50.000				379.000	Khoa Nội Tổng Hợp
317	Đàm Thị Thắm	322.000	100.000	-		-	15.000			100.000				537.000	Khoa Nội Tổng Hợp
318	Ng. Thị Thanh Hải	385.250	100.000	-		-	30.000			100.000				615.250	Khoa Nội Tổng Hợp
319	Trương Thị Lý	322.000	100.000	-		-	15.000			100.000				537.000	Khoa Nội Tổng Hợp
320	Cao Thị Tiên	408.250	-	-		-	15.000			100.000				523.250	Khoa Nội Tổng Hợp
321	Dương Thuỳ Loan	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Nội Tổng Hợp
322	Hoàng Thị Khuyên	345.000	-	-		-	-			50.000				395.000	Khoa Nội Tổng Hợp
323	Lê Thị Kim Ngân	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Nội Tổng Hợp
324	Phạm Thị Xuyến	-	-	-		400.000	-							400.000	Khoa Nội Tổng Hợp
325	Nguyễn Thùy Linh	408.250	100.000	-		-	15.000							523.250	Khoa Nội Tổng Hợp
326	Lưu Cẩm Loan	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Nội Tổng Hợp
327	Ng. Thị Huyền My	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa Nội Tổng Hợp
328	Phùng Thị Hồng Hạnh	408.250	100.000	-		-	15.000			100.000				623.250	Khoa Nội Tổng Hợp
329	Nguyễn Thị Thảo	322.000	-	-		-	15.000							337.000	Khoa Nội Tổng Hợp
330	Xuân Thu Hằng	603.750	-	-		-	-							603.750	Khoa Nội Tổng Hợp

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
331	Vũ Thị Thúy	345.000	100.000	-		-	-							445.000	Khoa Nội Tổng Hợp
332	Nguyễn Văn Sáng	667.000	100.000	-		-	15.000							782.000	Khoa Nội Tổng Hợp
333	Nguyễn Hoàng Linh	471.500	100.000	-		-	30.000			50.000				651.500	Khoa Nội Tổng Hợp
334	Nguyễn Thị Hoa									50.000				50.000	Khoa Nội Tổng Hợp
335	Vũ Đình Cao	494.500	-	600.000		-	15.000	1.636.500		100.000			2.350.000	5.196.000	Khoa TM - NT
336	Nguyễn Xuân Tiến	1.319.625	-	1.000.000		-	45.000			50.000				2.414.625	Khoa TM - NT
337	Nguyễn Thị Hiền	943.000	200.000	-		-	60.000			100.000				1.303.000	Khoa TM - NT
338	Hoàng Thị Ngọc Diệp	557.750	200.000	-		-	30.000			100.000				887.750	Khoa TM - NT
339	Lục Thị Thu Hằng	730.250	100.000	-		-	30.000			100.000				960.250	Khoa TM - NT
340	Nguyễn Văn Sang	603.750	-	-		-	-	564.000		100.000			500.000	1.767.750	Khoa TM - NT
341	Đặng Thị Sao Mai	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa TM - NT
342	Trần Thị Thúy	644.000	100.000	-		-	30.000			50.000				824.000	Khoa TM - NT
343	Trịnh Tiến Hùng	431.250	-	800.000		-	15.000	4.957.500		50.000			1.950.000	8.203.750	Khoa TM - NT
344	Hoàng Thị Mai Sim	816.500	100.000	-		-	30.000							946.500	Khoa TM - NT
345	Lò Thị Hương	235.750	-	-		-	15.000			50.000				300.750	Khoa TM - NT
346	Nguyễn Thị Nho	408.250	100.000	-		-	15.000			50.000				573.250	Khoa TM - NT
347	Nguyễn Thị Phường	-	-	-		400.000	-							400.000	Khoa TM - NT
348	Phạm T.Huyền Trang	-	-	-		-	-			50.000				50.000	Khoa TM - NT
349	Nguyễn Thị Nhẫn	603.750	-	-		-	-			50.000				653.750	Khoa TM - NT
350	Nguyễn Thế Hưng	816.500	-	-		-	30.000			50.000				896.500	Khoa TM - NT
351	Vũ Ngọc Quyết	494.500	-	600.000		-	15.000	127.500	6.715.000	50.000				8.002.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
352	Phạm Anh Tuấn	172.500	400.000	-		-	-			100.000				672.500	Khoa Ngoại Tổng Hợp
353	Nguyễn Thị Hằng	408.250	300.000	-		-	15.000			50.000				773.250	Khoa Ngoại Tổng Hợp
354	Lý Thị Hằng	-	-	-		-	-			100.000	594.800			694.800	Khoa Ngoại Tổng Hợp
355	Trần Thị Kim Dung	172.500	100.000	-		-	-			50.000				322.500	Khoa Ngoại Tổng Hợp
356	Lâm T. Thanh Tuyền	235.750	100.000	-		-	15.000			100.000				450.750	Khoa Ngoại Tổng Hợp
357	Lê Thị Thảo	86.250	-	-		-	-			100.000				186.250	Khoa Ngoại Tổng Hợp
358	Nguyễn Thị Hải Lý	816.500	300.000	-		-	30.000							1.146.500	Khoa Ngoại Tổng Hợp

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
359	Mai Thị Thu Hằng	644.000	200.000	-		-	30.000			50.000				924.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
360	Đỗ Trung Kiên	471.500	-	-	250.000	-	30.000	567.000	2.825.000	50.000				4.193.500	Khoa Ngoại Tổng Hợp
361	Bùi Quang Thái	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
362	Đào Thị Thắm	-	-	-		400.000	-			50.000				450.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
363	Nguyễn Tùng Anh	816.500	100.000	-		-	30.000			50.000				996.500	Khoa Ngoại Tổng Hợp
364	Đặng Cao Kỳ	-	-	-		-	-	2.517.000	1.190.000					3.707.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
365	Bùi Ngọc Hân	86.250	-	-		-	-	1.245.000	1.320.000					2.651.250	Khoa Ngoại Tổng Hợp
366	Lộc Trần Thịnh	86.250	-	-		-	-	660.000	3.350.000	50.000				4.146.250	Khoa Ngoại Tổng Hợp
367	Ng. Thị Tuyết Lan	730.250	100.000	-		-	30.000			100.000				960.250	Khoa Ngoại Tổng Hợp
368	Hoàng Thị Thu Hiền	667.000	100.000	-		-	15.000							782.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
369	Nguyễn Văn Hoàn	730.250	-	-		-	30.000			50.000				810.250	Khoa Ngoại Tổng Hợp
370	Doãn Thúy Hạnh	816.500	100.000	-		-	30.000							946.500	Khoa Ngoại Tổng Hợp
371	Mã Hồng Cầu	431.250	-	600.000		-	-		6.962.500	100.000				8.093.750	Khoa Ung Bướu
372	Nguyễn Khánh Dũng	322.000	186.250	-		-	15.000		2.245.000	100.000				2.868.250	Khoa Ung Bướu
373	Vũ Thị Ánh Hồng	431.250	-	-		-	-	333.000		100.000				864.250	Khoa Ung Bướu
374	Trần Thị Thu Ngọc	667.000	-	-		-	15.000			50.000				732.000	Khoa Ung Bướu
375	Đỗ Thị Thuỳ Liên	-	586.250	-		-	-			100.000				686.250	Khoa Ung Bướu
376	Xin Thị Thủy	557.750	86.250	-		-	30.000		3.320.000	100.000				4.094.000	Khoa Ung Bướu
377	Phạm Minh Hải	408.250	100.000	-		-	15.000							523.250	Khoa Ung Bướu
378	Chu Minh Hải	471.500	-	600.000		-	30.000			50.000				1.151.500	Khoa Ung Bướu
379	Hoàng Thị Phấn	557.750	100.000	-		-	30.000			50.000				737.750	Khoa Ung Bướu
380	Nghiêm Xuân Việt	86.250	-	-		-	-		3.915.000					4.001.250	Khoa Ung Bướu
381	Quan Thị Vẻn	235.750	200.000	-		-	15.000	1.279.500		100.000				1.830.250	Khoa Ung Bướu
382	Lê Văn Lợi	621.000	-	800.000	250.000	947.314	45.000	3.796.500	6.047.500	50.000				12.557.314	Khoa CTCH
383	Nguyễn Thị Hà B	322.000	100.000	-		-	15.000		3.230.000	100.000			500.000	4.267.000	Khoa CTCH
384	Đào Thuỳ Dương	431.250	-	-		19.080	-	1.065.000	2.667.500	100.000			600.000	4.882.830	Khoa CTCH
385	Phạm Văn Cường	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa CTCH
386	Ngọc Thanh Phương	471.500	-	-		300.253	30.000	1.852.500	4.807.500	50.000			600.000	8.111.753	Khoa CTCH

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
387	Hoàng Thị Huyền	621.000	-	-		-	45.000			100.000				766.000	Khoa CTCH
388	Ng Thị Việt Nga	345.000	200.000	-		-	-		140.000	100.000				785.000	Khoa CTCH
389	Nguyễn Thị Nết	172.500	300.000	-		-	-			100.000				572.500	Khoa CTCH
390	Hứa Thị Hường	385.250	100.000	-		-	30.000			100.000				615.250	Khoa CTCH
391	Nguyễn Văn Tích	690.000	-	-		-	-		3.300.000	100.000			1.000.000	5.090.000	Khoa CTCH
392	Lều Thị Hiền	431.250	-	-		-	-			100.000				531.250	Khoa CTCH
393	Nguyễn Duy Hoàng	879.750	-	-		-	45.000			100.000				1.024.750	Khoa CTCH
394	Nguyễn Thị Dậu	621.000	-	-		-	45.000			50.000				716.000	Khoa CTCH
395	Nguyễn Thị Oách	-	200.000	-		-	-			50.000				250.000	Khoa CTCH
396	Đào Thị Hương	-	-	-		-	-			50.000	1.950.000			2.000.000	Khoa CTCH
397	Nguyễn Thành Long	816.500	100.000	-		-	30.000			50.000				996.500	Khoa CTCH
398	Nguyễn Đức Dim	989.000	100.000	-		-	30.000							1.119.000	Khoa CTCH
399	Nguyễn Thị Năm	-	-	-		400.000	-			100.000				500.000	Khoa CTCH
400	Nguyễn Xuân Sơn	1.164.375	-	-		-	-	1.870.500		100.000				3.134.875	Khoa Cấp Cứu
401	Phan Công Lý	1.578.375	-	-		-	45.000			100.000				1.723.375	Khoa Cấp Cứu
402	Nguyễn Thị Thu Hiền	1.578.375	-	-		-	45.000			50.000				1.673.375	Khoa Cấp Cứu
403	Lục Thị Phương	871.125	-	-		-	15.000			50.000				936.125	Khoa Cấp Cứu
404	Đặng Thị Chung	1.449.000	224.250	-		-	45.000			100.000				1.818.250	Khoa Cấp Cứu
405	Trần Viễn Dương	1.164.375	-	-		-	-			100.000				1.264.375	Khoa Cấp Cứu
406	Phan Thị Phượng	1.285.125	-	-		-	60.000			50.000				1.395.125	Khoa Cấp Cứu
407	Nguyễn Đức Quyết	258.750	-	-		-	-							258.750	Khoa Cấp Cứu
408	Hoàng Thị Diễm	-	-	-		-	-			100.000				100.000	Khoa Cấp Cứu
409	Đinh Thi Thịnh	-	-	-		400.000	-			50.000				450.000	Khoa Cấp Cứu
410	Nguyễn Thị Ngọc	1.612.875	224.250	-		-	30.000							1.867.125	Khoa Cấp Cứu
411	Lục Thị Hạnh	1.319.625	-	-		-	45.000			50.000				1.414.625	Khoa Cấp Cứu
412	Lê Ánh Hồng Phong	1.060.875	-	400.000		-	45.000	3.585.000						5.090.875	Khoa Cấp Cứu
413	Lê Thị Thư	1.578.375	-	-		-	45.000			100.000				1.723.375	Khoa Cấp Cứu
414	Ng. Thị Minh Tâm	1.224.750	-	1.200.000		-	30.000	1.612.500		50.000				4.117.250	Khoa Cấp Cứu

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
415	Đinh Thị Nhung	836.625	448.500	-		-	30.000			50.000				1.365.125	Khoa Cấp Cứu
521	Trần Công Tuấn	776.250	897.000	-		-	-							1.673.250	Khoa Cấp Cứu
417	Vũ Trọng Bình	-	-	-		-	-						500.000	500.000	Khoa Cấp Cứu
418	Trần Văn Học	646.875	-	-		-	-	1.455.000		100.000				2.201.875	Khoa HSTC&CĐ
419	Trần Văn Hiếu	1.673.250	-	-		-	60.000			50.000				1.783.250	Khoa HSTC&CĐ
420	Trần Hùng Cường	517.500	-	-		600.000	60.000	26.811.000		100.000				28.088.500	Khoa HSTC&CĐ
421	Nguyễn Văn Tuấn	612.375	-	-		200.000	15.000							827.375	Khoa HSTC&CĐ
422	Đinh Thị Quỳnh	-	-	-		400.000	-			50.000				450.000	Khoa HSTC&CĐ
423	Trần Thanh Hường	931.500	200.000	-		550.000	45.000			100.000				1.826.500	Khoa HSTC&CĐ
424	Nguyễn Hồng Nhung	388.125	-	-		-	-			100.000				488.125	Khoa HSTC&CĐ
425	Ng.Thị Quỳnh Nga	517.500	-	-		-	-			50.000				567.500	Khoa HSTC&CĐ
426	Vương Tiến Văn	905.625	-	-		800.000	75.000			100.000				1.880.625	Khoa HSTC&CĐ
427	Hoàng Thị Dần	1.224.750	-	-		-	30.000			100.000				1.354.750	Khoa HSTC&CĐ
428	Mai Thị Oanh	836.625	100.000	-		300.000	30.000			100.000				1.366.625	Khoa HSTC&CĐ
429	Nguyễn Ngọc ứng	871.125	-	-		450.000	45.000			50.000				1.416.125	Khoa HSTC&CĐ
430	Lê Xuân An	1.190.250	-	-		550.000	60.000			100.000				1.900.250	Khoa HSTC&CĐ
431	Ng. Thị Kim Thảo	741.750	100.000	-		400.000	15.000			100.000				1.356.750	Khoa HSTC&CĐ
432	Nguyễn Hồng Vân	1.319.625	-	-		-	45.000			50.000			80.000	1.494.625	Khoa HSTC&CĐ
433	Trần Quyết Thắng	-	-	-		-	-			100.000			600.000	700.000	Khoa HSTC&CĐ
434	Lù Thị Phương Ngân	1.285.125	100.000	-		-	60.000			50.000				1.495.125	Khoa HSTC&CĐ
435	Nguyễn Xuân Điền	966.000	100.000	-		250.000	30.000			50.000				1.396.000	Khoa HSTC&CĐ
436	Hoàng Duy Dương	836.625	-	-		-	30.000							866.625	Khoa HSTC&CĐ
437	Tô Hữu Toại	1.612.875	-	-		-	30.000			100.000				1.742.875	Khoa HSTC&CĐ
438	Vũ Thị Hằng	-	-	-		-	-			50.000			500.000	550.000	Khoa HSTC&CĐ
439	Phạm Thị Huế	905.625	100.000	-		-	-			50.000			500.000	1.555.625	Khoa HSTC&CĐ
440	Ngô Bảo Chung	1.095.375	100.000	-		-	30.000						1.000.000	2.225.375	Khoa HSTC&CĐ
441	Đào Cẩm Lê	172.500	-	400.000		-	-			100.000				672.500	Khoa PHCN
442	Đỗ Thị Thu Hương	408.250	-	-			15.000	1.890.000						2.313.250	Khoa PHCN

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
443	Mai Thị Khởi	-	-	-			-	6.540.000		100.000				6.640.000	Khoa PHCN
444	Lê Đình Thuỷ	322.000	-	-			15.000	3.165.000		50.000				3.552.000	Khoa PHCN
445	Vừ Thị Mai Trang	172.500	-	400.000			-			100.000				672.500	Khoa PHCN
446	Hoàng Thị Liễu	-	-	-			-	4.980.000		100.000				5.080.000	Khoa PHCN
447	Lê Thị Thuỷ	258.750	-	-			-	6.735.000		100.000				7.093.750	Khoa PHCN
448	Hoàng Thị Thu	322.000	-	-			15.000	6.285.000		100.000				6.722.000	Khoa PHCN
449	Đoàn Thị Cúc	322.000	-	-			15.000	5.265.000		100.000				5.702.000	Khoa PHCN
450	Đỗ Thị Huệ	408.250	-	-			15.000	1.305.000		50.000				1.778.250	Khoa PHCN
451	Bùi Tuyết Trinh	-	-	-			-			100.000				100.000	Khoa PHCN
452	Đỗ Thị Thảo	408.250	-	-			15.000	4.770.000		50.000				5.243.250	Khoa PHCN
453	Ly Thị Chúm	408.250	-	-			15.000	3.705.000						4.128.250	Khoa PHCN
454	Vũ Thị Tiên	322.000	-	-			15.000	5.100.000						5.437.000	Khoa PHCN
455	Vi Minh Nguyệt	-	-	-			-						600.000	600.000	Khoa PHCN
456	Nguyễn Thị Duyên	172.500	-	-			-	12.922.500		100.000				13.195.000	Khoa YHCT
457	Trần Thị Tuyết	172.500	-	-			-	7.030.500						7.203.000	Khoa YHCT
458	Phan Thị Vân Hồ	235.750	100.000	-			15.000	2.328.000						2.678.750	Khoa YHCT
459	Nguyễn Thị Loan	86.250	-	-			-	2.380.500		100.000				2.566.750	Khoa YHCT
460	Nguyễn Ngọc Linh	-	-	-			-			50.000				50.000	Khoa YHCT
461	Bùi Thị Oanh	86.250	-	-			-							86.250	Khoa YHCT
462	Nguyễn Thị Giang	431.250	-	-			-	9.577.500		100.000				10.108.750	Khoa YHCT
463	Đặng Thị Phương Thảo	235.750	100.000	-			15.000			100.000				450.750	Khoa YHCT
464	Ninh Thị Hường	322.000	-	-			15.000			100.000				437.000	Khoa YHCT
465	Tô Thị Thu Trang	408.250	-	-			15.000	6.837.000		100.000				7.360.250	Khoa YHCT
466	Chu Thị Hương	235.750	-	-			15.000	4.636.500		100.000				4.987.250	Khoa YHCT
467	Bùi Thu Hà	172.500	-	-			-	10.705.500						10.878.000	Khoa YHCT
468	Vũ Xuân Phúc	966.000	-	-			45.000			50.000				1.061.000	Khoa YHCT
469	Nguyễn Thị Thanh phương	-	-	-			-			50.000				50.000	Khoa YHCT
470	Dương Hồng Chuyên	408.250	-	-			15.000	7.341.000		100.000				7.864.250	Khoa YHCT

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
471	Đỗ Thị Đẹp	258.750	-	-			-	262.500						521.250	Khoa Da Liễu
472	Lê Thuý Liên	707.250	100.000	-			45.000			50.000				902.250	Khoa Da Liễu
473	Nguyễn Thị Tám	258.750	-	-			-			100.000				358.750	Khoa Da Liễu
474	Mai Hồng Sinh	621.000	100.000	-			45.000							766.000	Khoa Da Liễu
475	Hoàng Thị Giám	408.250	-	-			15.000			50.000				473.250	Khoa Da Liễu
476	Nguyễn Thị Tiệp	345.000	-	-			-			50.000				395.000	Khoa Da Liễu
477	Đàm Như Hoa	408.250	-	-			15.000			50.000				473.250	Khoa Da Liễu
478	Nguyễn Thị Tuyết	431.250	-	-			-							431.250	Khoa Da Liễu
479	Nguyễn Bá Giang	471.500	-	800.000			30.000			100.000				1.401.500	Khoa Tâm Thần
480	Hoàng Thị Lê	-	-	-			-			100.000				100.000	Khoa Tâm Thần
481	Lý Thị Bình	448.500	-	-			30.000							478.500	Khoa Tâm Thần
482	Nguyễn Thị Xứng	-	-	-		400.000	-			50.000				450.000	Khoa Tâm Thần
483	Vũ Thị Tiu	1.319.625	-	-			45.000							1.364.625	Khoa Tâm Thần
484	Nguyễn Thị Huyền	905.625	-	-			-			100.000				1.005.625	Khoa Tâm Thần
485	Chu Thành Vĩnh	385.250	-	-			30.000			100.000				515.250	Khoa Tâm Thần
486	Lương T. Phương Thảo	1.000.500	-	-			15.000			50.000				1.065.500	Khoa Tâm Thần
499	Trần Kim Oanh	1.095.375	-	-			30.000			100.000				1.225.375	Khoa Tâm Thần
488	Mai Đức An	471.500	-	-			15.000			100.000				586.500	Khoa Truyền Nhiễm
489	Đỗ Văn Nghĩa	580.750	-	-			15.000			100.000				695.750	Khoa Truyền Nhiễm
490	Cao Thị Thoa	431.250	-	-			-							431.250	Khoa Truyền Nhiễm
491	Nguyễn Thị Phượng	172.500	100.000	-			-							272.500	Khoa Truyền Nhiễm
492	Lưu Thị Thảo	471.500	100.000	-		50.000	30.000							651.500	Khoa Truyền Nhiễm
493	Hoàng Văn Huân	-	-	-			-			50.000				50.000	Khoa Truyền Nhiễm
494	Ng. Thị Vân Anh	-	-	-			-			100.000				100.000	Khoa Truyền Nhiễm
495	Nguyễn Thị Bích Hằng	345.000	-	-			-			100.000				445.000	Khoa Truyền Nhiễm
496	Hoàng Thị Hương	471.500	-	-			30.000							501.500	Khoa Truyền Nhiễm
497	Nguyễn Đức Huân	612.375	-	400.000			15.000			100.000				1.127.375	Khoa Truyền Nhiễm
498	Nguyễn Thị Kim Vân	557.750	-	-			30.000			50.000			500.000	1.137.750	Khoa Truyền Nhiễm

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
499	Nguyễn Thị Nhung	-	-	-			-						500.000	500.000	Khoa Truyền Nhiễm
500	Nguyễn Thị Thương	408.250	-	-			15.000							423.250	Khoa Truyền Nhiễm
501	Trần Thị Lý	471.500	-	-			30.000			50.000			500.000	1.051.500	Khoa Truyền Nhiễm
502	Nguyễn Thuỳ Ninh	322.000	-	-			15.000	99.000		100.000				536.000	Khoa Truyền Nhiễm
503	Nguyễn Văn Điệp	-	-	-			-			50.000			810.000	860.000	Khoa KSNK
504	Hoàng Thị Tuyết	-	-	-			-			100.000				100.000	Khoa KSNK
505	Bùi Thị Mai	-	-	-			-			50.000				50.000	Khoa KSNK
506	Nguyễn Thị Nụ	-	-	-		200.000	-							200.000	Khoa KSNK
507	Nguyễn Thị Bình Lê	-	-	-		25.000	-							25.000	Khoa KSNK
508	Nguyễn Thị Giang	-	-	-		200.000	-			50.000				250.000	Khoa KSNK
509	Nông Thị Hoạt	-	-	-		137.500	-				177.900			315.400	Khoa KSNK
510	Lê Thị Quỳnh	-	-	-		100.000	-							100.000	Khoa KSNK
511	Hoàng Thị Đua	-	-	-		200.000	-			100.000				300.000	Khoa KSNK
512	Hứa Thị Giang	580.750	-	-			15.000			100.000				695.750	Khoa KSNK
513	Hoàng Thị Ly	431.250	-	-			-			50.000				481.250	Khoa KSNK
514	Là Thị Nhanh	1.052.250	-	-			45.000			100.000				1.197.250	Khoa KSNK
515	Mai Thị Huyền	-	-	-		200.000	-							200.000	Khoa KSNK
516	Nguyễn Văn Quang	-	-	-			-				543.300			543.300	Khoa KSNK
517	Hoàng Thị Nghệ	-	-	-		637.500	-			50.000				687.500	Khoa KSNK
518	Hoàng Ngọc Dương	86.250	-	-		100.000	-			50.000				236.250	Khoa KSNK
519	Ma Văn Huy	1.029.250	-	-			60.000							1.089.250	Khoa KSNK
520	Nguyễn Giang Hải	408.250	-	500.000			15.000							923.250	Khoa Lão Khoa
521	Cam Thị Huệ	517.500	-	-			-			100.000				617.500	Khoa Lão Khoa
522	Hoàng Kim Anh	730.250	-	-			30.000			50.000				810.250	Khoa Lão Khoa
523	Đỗ Minh Chiến	1.052.250	-	-			45.000			50.000				1.147.250	Khoa Lão Khoa
524	Dương Thị Huệ	-	-	-			-			50.000				50.000	Khoa Lão Khoa
525	Nghiêm Thị Thuý	-	-	-			-			50.000				50.000	Khoa Lão Khoa
526	Trần Thị Lan	1.052.250	-	-			45.000							1.097.250	Khoa Lão Khoa

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng
527	Nguyễn Văn Tước	1.138.500	-	-			45.000			50.000				1.233.500	Khoa Lão Khoa
528	Hoàng T. Thanh Tâm	989.000	-	-			30.000			50.000				1.069.000	Khoa Lão Khoa
529	Nguyễn Chí Đệ	534.750	-	-			30.000							564.750	Khoa Lão Khoa
530	Phạm Thuý Nga	879.750	-	-			45.000			50.000				974.750	Khoa Lão Khoa
531	Vương Thị Tươi	-	-	-		400.000	-			100.000				500.000	Khoa Lão Khoa
	Cộng	**220.650.500**	**18.846.250**	**28.800.000**	**2.100.000**	**29.119.376**	**7.530.000**	**279.513.000**	**211.675.000**	**31.250.000**	**75.847.300**	**67.755.743**	**49.434.000**	**1.022.521.169**	Phòng KHTH

Ghi chú:

Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn một trăm sáu mươi chín đồng chẵn.

Hà Giang,ngày 26 tháng 9 năm 2017

Người lập bảng ***Kế toán trưởng*** ***Thủ trưởng đơn vị***

27.750.000

Nguyễn Thị Thu Linh ***Đỗ Thị Kim Thanh*** ***3.500.000***

520.107.376

274.402.250

75.840.300

49.434.000

67.755.743

STT	Tên đơn vị hưởng	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ chuyên môn	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé xe nghi phép...	Số tiền trả vào thẻ ATM	Khoa phòng

huu

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH		
HDDH		
Nữ		
Nữ		
Nữ		
Nữ		

HDDH

HDDH

HDDH

Tiền TT của khoa đổ vào TK của Ng Văn Khanh

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH		
HDDH		
HDDH		
HDDH		
HDDH		

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH

HDDH		
HDDH		

Tiền TT của khoa đổ vào TK của Trần Hùng Cường

HDDH		
HDDH		

HDDH

HDDH															
HDDH															

HDDH															

9/26/2017 33

8/26/2017 18.329.505

,

,

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN : SỞ Y TẾ HÀ GIANG
ĐƠN VỊ TRẢ LƯƠNG : BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG CHI TRẢ PHỤ CẤP, THÁNG 8 NĂM 2017
QUA HỆ THỐNG THANH TOÁN THẺ ATM CỦA BIDV - HÀ GIANG

TT	Bộ phận	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ CM	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền chăm sóc BN HIV	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé tầu xe nghỉ phép	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
1	Phòng KHTH	2.599.000	-	-	-	-	105.000	-	625.000	-	650.000	-	67.755.743	-	71.734.743	
2	Phòng Điều Dưỡng	86.250	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000	-	-	-	186.250	
3	Phòng TCKT	3.179.750	-	3.450.000	-	660.564	120.000	-	-	-	750.000	-	-	3.600.000	11.760.314	
4	Phòng HCQT	6.359.500	-	3.750.000	-	2.132.606	240.000	-	-	-	600.000	2.250.000	-	14.500.000	29.832.106	
5	Phòng CNTT&TT	3.179.750	-	900.000	-	5.627.547	120.000	-	-	-	550.000	-	-	-	10.377.297	
6	Phòng Tổ Chức Cán Bộ	-	-	-	-	166.002	-	-	-	-	350.000	-	-	1.200.000	1.716.002	
7	Phòng Vật Tư	-	-	-	200.000	133.090	-	-	-	-	500.000	-	-	-	833.090	
8	Khoa Dinh Dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300.000	-	-	600.000	900.000	
9	Khoa Yêu Cầu	3.964.625	2.944.000	-	-	400.000	135.000	75.000	-	-	700.000	1.815.000	-	3.450.000	13.483.625	
10	Khoa Gây Mê Hồi Sức	14.567.625	-	-	-	817.396	360.000	472.500	120.990.000	-	1.300.000	21.648.300	-	-	160.155.821	
11	Khoa Dược	3.179.750	-	-	400.000	718.750	120.000	-	-	-	1.000.000	24.908.000	-	5.300.000	35.626.500	
12	Khoa A10	3.179.750	-	-	-	-	120.000	-	-	-	600.000	-	-	-	3.899.750	
13	Khoa Khám Bệnh	11.333.250	-	-	-	-	360.000	-	-	-	1.750.000	3.900.000	-	-	17.343.250	
14	Khoa Mắt	4.145.750	-	-	250.000	249.517	150.000	26.473.500	5.390.000	-	650.000	1.950.000	-	-	39.258.767	
15	Khoa RHM	5.077.250	-	-	250.000	-	195.000	6.597.000	11.715.000	-	700.000	1.815.000	-	-	26.349.250	
16	Khoa TMH	5.301.500	2.849.500	1.600.000	250.000	949.183	210.000	33.130.500	5.010.000	-	1.000.000	1.815.000	-	-	52.115.683	
17	Khoa CĐHA	9.539.250	-	4.300.000	-	-	360.000	4.243.500	-	-	1.450.000	-	-	-	19.892.750	
18	Khoa TDCN	385.250	-	-	-	-	45.000	13.812.000	-	-	400.000	1.950.000	-	2.900.000	19.492.250	
19	Khoa HHTM	7.130.000	-	-	-	-	300.000	5.323.500	-	-	750.000	6.630.000	-	1.450.000	21.583.500	
20	Khoa Xét Nghiệm	3.179.750	-	-	-	-	120.000	-	-	-	400.000	-	-	-	3.699.750	
21	Khoa Vi Sinh	-	-	-	-	2.950.000	-	-	-	-	200.000	-	-	-	3.150.000	
22	Khoa Giải Phẫu Bệnh	-	-	-	-	-	-	5.226.000	-	-	250.000	-	-	-	5.476.000	
23	Khoa Sản	9.539.250	1.400.000	3.200.000	250.000	3.498.074	360.000	3.631.500	15.910.000	-	1.750.000	-	-	-	39.538.824	
24	Khoa Nhi	18.819.750	2.600.000	600.000	-	400.000	465.000	10.732.500	-	-	1.800.000	3.900.000	-	2.844.000	42.161.250	
25	Khoa Nội Tổng Hợp	8.740.000	900.000	1.900.000	-	400.000	345.000	-	-	-	1.300.000	-	-	-	13.585.000	

TT	Bộ phận	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ CM	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền chăm sóc BN HIV	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé tầu xe nghỉ phép	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
26	Khoa TM - NT	8.604.875	800.000	2.400.000	-	400.000	315.000	7.158.000	-	-	950.000	-	-	4.800.000	25.427.875	
27	Khoa Ngoại Tổng Hợp	7.434.750	1.800.000	600.000	250.000	400.000	270.000	5.116.500	15.400.000	-	1.050.000	594.800	-	-	32.916.050	
28	Khoa Ung Bướu	4.168.750	1.258.750	1.200.000	-	-	150.000	1.612.500	16.442.500	-	750.000	-	-	-	25.582.500	
29	Khoa CTCH	7.797.000	1.100.000	800.000	250.000	1.666.647	315.000	6.714.000	20.192.500	-	1.400.000	1.950.000	-	2.700.000	44.885.147	
30	Khoa Cấp Cứu	17.758.875	1.794.000	1.600.000	-	400.000	435.000	7.068.000	-	-	950.000	-	-	500.000	30.505.875	
31	Khoa HSTC&CĐ	19.078.500	800.000	-	-	4.500.000	660.000	28.266.000	-	-	1.550.000	-	-	2.680.000	57.534.500	
32	Khoa PHCN	3.524.750	-	800.000	-	-	120.000	49.740.000	-	-	950.000	-	-	600.000	55.734.750	
33	Khoa YHCT	3.933.000	200.000	-	-	-	135.000	63.759.000	-	-	950.000	-	-	-	68.977.000	
34	Khoa Da Liễu	3.438.500	200.000	-	-	-	120.000	262.500	-	-	300.000	-	-	-	4.321.000	
35	Khoa Tâm Thần	5.626.375	-	800.000	-	400.000	180.000	-	-	-	600.000	-	-	-	7.606.375	
36	Khoa Truyền Nhiễm	5.315.875	200.000	400.000	-	50.000	195.000	99.000	-	-	750.000	-	-	1.500.000	8.509.875	
37	Khoa KSNK	3.179.750	-	-	-	1.800.000	120.000	-	-	-	700.000	721.200	-	810.000	7.330.950	
38	Khoa Lão Khoa	7.302.500	-	500.000	-	400.000	285.000	-	-	-	550.000	-	-	-	9.037.500	
	Tổng cộng	**220.650.500**	**18.846.250**	**28.800.000**	**2.100.000**	**29.119.376**	**7.530.000**	**279.513.000**	**211.675.000**	**-**	**31.250.000**	**75.847.300**	**67.755.743**	**49.434.000**	**1.022.521.169**	

Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn một trăm sáu mươi chín đồng chẵn.

Ghi chú:

Hà Giang,ngày 26 tháng 9 năm 2017

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

Ng. Thị Thu Linh **Đỗ Thị Kim Thanh**

TT	Bộ phận	Tiền trực	Trực TC	Tiền không nghỉ trực	Tiền trực thường trú	Tiền ngoài giờ CM	Hỗ trợ tiền ăn ca trực	Tiền Thủ Thuật	Tiền Phẫu Thuật	Tiền chăm sóc BN HIV	Tiền t ết trung thu 2017	Tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Tiền tinh giản biên chế	Tiền công tác phí, vé tầu xe nghỉ phép	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú

0

0

0